

chi tổ chức hội nghị, hội thảo)¹.

153. Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc (không bao gồm các nội dung chi tổ chức hội nghị, hội thảo)².

154. Chính sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo.

155. In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả.

B. BẢNG 01: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỀU TRA RỪNG

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương³
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ			
1.1	Dưới 500 ha	Nhiệm vụ	5,0	2,67-3,66
1.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Nhiệm vụ	6,0	2,67-3,66
1.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Nhiệm vụ	7,0	2,67-3,66
1.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Nhiệm vụ	8,0	2,67-3,66
1.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Nhiệm vụ	9,0	2,67-3,66
1.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Nhiệm vụ	11,0	2,67-3,66
1.7	Từ 30.000 ha đến dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	13,0	2,67-3,66
1.8	Từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha	Nhiệm vụ	15,0	2,67-3,66
1.9	Từ 100.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	17,0	2,67-3,66
1.10	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	19,0	2,67-3,66
1.11	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	21,0	2,67-3,66
1.12	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	23,0	2,67-3,66
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	20,0	4,65-5,76
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Hội nghị	20,0	4,65-5,76
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	3,5	4,65-5,76
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	10,0	4,65-5,76
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	Nhiệm vụ	5,0	2,67-3,66
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ		
7.1	Dưới 500 ha	Nhiệm vụ	2,0	3,00-3,99
7.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Nhiệm vụ	3,0	3,00-3,99
7.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Nhiệm vụ	4,0	3,00-3,99
7.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Nhiệm vụ	5,0	3,00-3,99

¹ Chi phí tổ chức hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

² Chi phí tổ chức hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

³ Hệ số lương cụ thể cho từng công việc do cơ quan phê duyệt điều tra rừng quyết định; nhân lực thực hiện được hưởng theo hệ số lương cụ thể của công việc đó.

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
7.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Nhiệm vụ	6,0	3,00-3,99
7.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Nhiệm vụ	7,0	3,00-3,99
7.7	Từ 30.000 ha đến dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	8,0	3,00-3,99
7.8	Từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha	Nhiệm vụ	9,0	3,00-3,99
7.9	Từ 100.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	10,0	3,00-3,99
7.10	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	11,0	3,00-3,99
7.11	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	12,0	3,00-3,99
7.12	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	13,0	3,00-3,99
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	Xã	2,0	2,06-3,33
9	Thành lập bình đồ ảnh viễn thám			
9.1	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	15,6	3,33-4,32
9.2	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	18,7	3,33-4,32
9.3	Tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	22,4	3,33-4,32
9.4	Tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	26,9	3,33-4,32
9.5	Tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	32,3	3,33-4,32
9.6	Tỷ lệ 1/250.000	Mảnh	38,7	3,33-4,32
9.7	Tỷ lệ 1/500.000	Mảnh	46,4	3,33-4,32
9.8	Mua bình đồ ảnh đã có đơn giá (thực hiện theo quy định hiện hành)			
10	Kế thừa, thành lập các lớp bản đồ nền về lâm nghiệp cần thiết cho bản đồ thành quả			
10.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	4,0	3,99-4,98
10.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	5,0	3,99-4,98
10.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	6,0	3,99-4,98
10.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	7,0	3,99-4,98
10.5	Tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	8,0	3,99-4,98
10.6	Tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	9,0	3,99-4,98
10.7	Tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	10,0	3,99-4,98
11	Thiết kế, lập hệ thống điểm lấy mẫu khóa ảnh trên bản đồ bằng phần mềm chuyên dùng			
11.1	Dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	6,0	3,66-4,65
11.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	7,0	3,66-4,65
11.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	8,0	3,66-4,65
11.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	9,0	3,66-4,65
11.5	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	10,0	3,66-4,65
12	Tiếp nhận tài liệu mẫu khóa ảnh thu thập ngoài thực địa và kiểm tra			

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
12.1	Dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	10,0	3,66-4,65
12.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	15,0	3,66-4,65
12.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	20,0	3,66-4,65
12.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	25,0	3,66-4,65
12.5	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	30,0	3,66-4,65
13	Phân tích, đối chiếu bộ mẫu khóa ảnh thu thập thực địa với bộ mẫu khóa ảnh trong phòng	Mẫu	0,2	3,66-4,65
14	Giải đoán ảnh viễn thám và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng			
14.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	5,0	3,99-4,98
14.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	7,0	3,99-4,98
14.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	9,0	3,99-4,98
14.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	10,8	3,99-4,98
14.5	Tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	13,0	3,99-4,98
14.6	Tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	15,6	3,99-4,98
14.7	Tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	18,7	3,99-4,98
15	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích cần kiểm tra hiện trường trong quá trình điều tra rừng	Xã, chủ rừng	5,0	3,99-4,98
16	Khoanh vẽ bản đồ lập địa cấp 2 trong phòng	Ha	0,005	4,65-5,76
17	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra			
17.1	Dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	18,0	4,65-5,76
17.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	19,0	4,65-5,76
17.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	20,0	4,65-5,76
17.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	21,0	4,65-5,76
17.5	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	22,0	4,65-5,76
18	Thăm dò biến động mẫu điều tra			
18.1	Dưới 50.000 ha	Nhiệm vụ	50,0	3,33-4,32
18.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Nhiệm vụ	55,0	3,33-4,32
18.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Nhiệm vụ	60,0	3,33-4,32
18.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Nhiệm vụ	65,0	3,33-4,32
18.5	Từ 600.000 ha trở lên	Nhiệm vụ	70,0	3,33-4,32
19	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	Nhiệm vụ	10,0	2,06-3,33
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA			
20	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	Hội nghị	12,0	3,66-4,65
21	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở			
21.1	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục			

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
	hành chính với cấp xã, chủ rừng			
21.1.1	Dưới 500 ha	Xã, chủ rừng	5,0	3,99-4,98
21.1.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã, chủ rừng	8,0	3,99-4,98
21.1.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã, chủ rừng	9,0	3,99-4,98
21.1.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã, chủ rừng	10,0	3,99-4,98
21.1.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã, chủ rừng	12,0	3,99-4,98
21.1.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã, chủ rừng	15,0	3,99-4,98
21.1.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã, chủ rừng	20,0	3,99-4,98
21.2	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp huyện			
21.2.1	Dưới 5.000 ha	Huyện	16,0	3,99-4,98
21.2.2	Từ 5.000 ha đến dưới 20.000 ha	Huyện	17,0	3,99-4,98
21.2.3	Từ 20.000 ha đến dưới 40.000 ha	Huyện	18,0	3,99-4,98
21.2.4	Từ 40.000 ha đến dưới 60.000 ha	Huyện	19,0	3,99-4,98
21.2.5	Từ 60.000 ha trở lên	Huyện	20,0	3,99-4,98
21.3	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp tỉnh			
21.3.1	Dưới 50.000 ha	Tỉnh	16,0	3,99-4,98
21.3.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Tỉnh	17,0	3,99-4,98
21.3.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Tỉnh	18,0	3,99-4,98
21.3.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Tỉnh	19,0	3,99-4,98
21.3.5	Từ 600.000 ha trở lên	Tỉnh	20,0	3,99-4,98
22	Di chuyển trong quá trình điều tra	Km	0,2	3,33-4,32
23	Điều tra, thu thập thông tin mẫu khóa ảnh ngoài thực địa phục vụ giải đoán ảnh viễn thám	Mẫu	0,5	3,00-3,99
24	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái			
24.1	Bay dạng tuyến	50 ha	3,0	3,99-4,98
24.2	Bay dạng vùng	100 ha	3,0	3,99-4,98
25	Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa			
25.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	8,0	4,32-5,08
25.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	10,0	4,32-5,08
25.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	12,5	4,32-5,08

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
25.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	15,0	4,32-5,08
25.5	Tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	18,5	4,32-5,08
25.6	Tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	23,0	4,32-5,08
25.7	Tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	28,8	4,32-5,08
26	Đo đạc đường lô, đường khoảnh, đường tiểu khu; đường ranh giới chủ quản lý rừng; đường ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; đường ranh cản lửa; đường tuyến điều tra; đường tuần tra lâm nghiệp bằng GPS	Km	0,5	2,06-3,33
27	Làm và chôn mố, bảng tiểu khu, khoảnh, lô	Mố	2,0	2,06-3,33
28	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến			
28.1	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra đa dạng thực vật rừng; hệ sinh thái rừng; tái sinh rừng trên tuyến điều tra	Km	7,3	3,99-4,98
28.2	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tầng trưởng rừng trên tuyến điều tra	Km	9,8	3,99-4,98
28.3	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	Km	6,8	3,99-4,98
28.4	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác trên tuyến điều tra	Km	9,8	3,66-4,65
28.5	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến điều tra	Km	4,8	3,66-4,65
29	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng rừng ngoài thực địa			
29.1	Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô dốc đối diện	Ha	0,02	2,06-3,33
29.2	Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô trên tuyến điều tra	Ha	0,7	2,06-3,33
30	Điều tra, khoanh vẽ bổ sung bản đồ lập địa cấp 2 ngoài thực địa	Ha	0,004	3,33-4,32
31	Điều tra, khoanh vẽ bổ sung bản đồ lập địa cấp 1 ngoài thực địa	Ha	0,05	3,33-4,32
32	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; lâm sản ngoài gỗ; các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng	Ha	0,02	2,67-3,66
33	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Ha	0,02	2,67-3,66
34	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ dân sinh, kinh tế - xã hội ngoài thực địa	Ha	0,005	3,33-4,32

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
35	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản đồ ranh giới chủ quản lý rừng; ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; ranh giới lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng.	Ha	0,004	3,33-4,32
36	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên			
36.1	Diện tích 500 m ²	OTC	5,0	3,00-3,99
36.2	Diện tích 1.000 m ²	OTC	8,5	3,00-3,99
37	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng			
37.1	Diện tích 100 m ²	OTC	1,5	2,67-3,66
37.2	Diện tích 500 m ²	OTC	3,0	2,67-3,66
37.3	Ô mẫu 6 cây	OTC	1,5	2,67-3,66
38	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt			
38.1	Diện tích 500 m ²	OTC	5,5	3,00-3,99
38.2	Diện tích 1.000 m ²	OTC	10,0	3,00-3,99
39	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng tre nửa			
39.1	Diện tích 100 m ² đối với tre nửa mọc tán; ô 6 bụi đối với tre nửa mọc bụi	OTC	2,0	3,00-3,99
39.2	Diện tích 500 m ²	OTC	3,5	3,00-3,99
39.3	Diện tích 1.000 m ²	OTC	6,0	3,00-3,99
40	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng hỗn giao gỗ và tre nửa			
40.1	Diện tích 500 m ²	OTC	4,0	3,00-3,99
40.2	Diện tích 1.000 m ²	OTC	7,5	3,00-3,99
41	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cấu trúc rừng, tầng trưởng rừng, đa dạng thực vật rừng, đa dạng hệ sinh thái rừng			
41.1	Diện tích 1.000 m ²	OTC	8,0	3,66-4,65
41.2	Diện tích 2.000 m ²	OTC	13,0	3,66-4,65
41.3	Diện tích 2.500 m ²	OTC	15,0	3,66-4,65
41.4	Diện tích 5.000 m ²	OTC	29,0	3,66-4,65
42	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh			
42.1	Diện tích 16 m ²	OTS	0,42	3,00-3,99
42.2	Diện tích 25 m ²	OTS	0,65	3,00-3,99
43	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi			

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
43.1	Diện tích 16 m ²	OCB	0,25	2,67-3,66
43.2	Diện tích 25 m ²	OCB	0,39	2,67-3,66
44	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu dây leo trên ô đo đếm dây leo	ODL	1,14	2,67-3,66
45	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	OTT-TM	0,34	2,67-3,66
46	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu gỗ chết, gốc chặt trên ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	OGC-GC	1,5	2,67-3,66
47	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu động vật rừng có xương sống trên OTC, điểm điều tra	OTC, điểm điều tra	10,5	4,32-5,08
48	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu côn trùng rừng hoặc động vật không xương sống khác trên OTC, điểm điều tra	OTC, điểm điều tra	15,0	4,32-5,08
49	Chọn cây tiêu chuẩn, điều tra côn trùng rừng hoặc sâu, bệnh hại rừng hoặc động vật không xương sống khác	Cây	2,0	3,66-4,65
50	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu sâu, bệnh hại rừng trên OTC, điểm điều tra	OTC, điểm điều tra	13,0	3,66-4,65
51	Điều tra, vẽ trắc đồ ngang cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	Trắc đồ	6,0	3,66-4,65
52	Điều tra, vẽ trắc đồ dọc cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	Trắc đồ	3,0	3,66-4,65
53	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng tự nhiên	Cây	3,2	3,66-4,65
54	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng trồng	Cây	1,7	3,66-4,65
55	Chọn cây tiêu chuẩn và khoan tăng trưởng	Cây	1,0	3,66-4,65
56	Đào và mô tả phẫu diện đất chính	Phẫu diện	1,8	3,66-4,65
57	Đào và mô tả phẫu diện đất phụ	Phẫu diện	0,5	3,66-4,65
58	Kiểm tra, chỉnh lý bản đồ dạng đất			
58.1	Có bản đồ thổ nhưỡng	Ha	0,004	3,33-4,32
58.2	Không có bản đồ thổ nhưỡng	Ha	0,01	3,33-4,32
59	Điều tra năng suất lập địa cây trồng trên OTC	OTC	2,5	3,33-4,32
60	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã			
60.1	Dưới 500 ha	Xã	14,0	2,67-3,66
60.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã	15,0	2,67-3,66
60.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã	16,0	2,67-3,66
60.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã	17,0	2,67-3,66
60.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã	18,0	2,67-3,66

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
60.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã	19,0	2,67-3,66
60.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã	20,0	2,67-3,66
61	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện			
61.1	Dưới 5.000 ha	Huyện	18,0	2,67-3,66
61.2	Từ 5.000 ha đến dưới 20.000 ha	Huyện	19,0	2,67-3,66
61.3	Từ 20.000 ha đến dưới 40.000 ha	Huyện	20,0	2,67-3,66
61.4	Từ 40.000 ha đến dưới 60.000 ha	Huyện	21,0	2,67-3,66
61.5	Từ 60.000 ha trở lên	Huyện	22,0	2,67-3,66
62	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh			
62.1	Dưới 50.000 ha	Tỉnh	18,0	2,67-3,66
62.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Tỉnh	19,0	2,67-3,66
62.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Tỉnh	20,0	2,67-3,66
62.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Tỉnh	21,0	2,67-3,66
62.5	Từ 600.000 ha trở lên	Tỉnh	22,0	2,67-3,66
63	Điều tra, thu thập số liệu các giá trị cảnh quan, môi trường	Điểm điều tra	7,0	2,67-3,66
64	Điều tra, thu thập số liệu các giá trị lịch sử	Điểm điều tra	5,0	2,67-3,66
65	Điều tra, thu thập số liệu các giá trị văn hóa, ẩm thực	Điểm điều tra	5,0	2,67-3,66
66	Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học	Điểm điều tra	10,0	2,67-3,66
67	Thu thập số liệu về đánh giá tác động môi trường	Điểm điều tra	10,0	2,67-3,66
68	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	Điểm điều tra	10,0	2,67-3,66
69	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	Điểm điều tra	10,0	2,67-3,66
70	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình sinh trưởng của rừng; nguy cơ mất rừng; suy thoái rừng; cháy rừng; suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đến rừng	Điểm điều tra	10,0	2,67-3,66
71	Điều tra lát cắt thôn (lát cắt ngang, lát cắt dọc)	Lát cắt	4,5	2,67-3,66
72	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	Xã, trạm	5,0	2,67-3,66
72.1	Dưới 500 ha	Xã, chủ rừng	14,0	2,67-3,66
72.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã, chủ rừng	15,0	2,67-3,66
72.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã, chủ	16,0	2,67-3,66

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
		rừng		
72.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã, chủ rừng	17,0	2,67-3,66
72.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã, chủ rừng	18,0	2,67-3,66
72.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã, chủ rừng	19,0	2,67-3,66
72.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã, chủ rừng	20,0	2,67-3,66
73	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện			
73.1	Dưới 5.000 ha	Huyện	18,0	2,67-3,66
73.2	Từ 5.000 ha đến dưới 20.000 ha	Huyện	19,0	2,67-3,66
73.3	Từ 20.000 ha đến dưới 40.000 ha	Huyện	20,0	2,67-3,66
73.4	Từ 40.000 ha đến dưới 60.000 ha	Huyện	21,0	2,67-3,66
73.5	Từ 60.000 ha trở lên	Huyện	22,0	2,67-3,66
74	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh			
74.1	Dưới 50.000 ha	Tỉnh	18,0	2,67-3,66
74.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Tỉnh	19,0	2,67-3,66
74.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Tỉnh	20,0	2,67-3,66
74.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Tỉnh	21,0	2,67-3,66
74.5	Từ 600.000 ha trở lên	Tỉnh	22,0	2,67-3,66
75	Điều tra, thu thập các chỉ tiêu, định mức, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật	Cơ sở, mô hình	16,0	2,67-3,66
76	Điều tra, thu hái mẫu tiêu bản thực vật	Mẫu	3,0	3,66-4,65
77	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản động vật có xương sống			
77.1	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản loài thú lớn, loài nguy cấp, quý, hiếm	Mẫu	Theo thực tế	
77.2	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản không thuộc loài thú lớn, không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm	Mẫu	3,5	3,66-4,65
78	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	Mẫu	2,5	3,66-4,65
79	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng giao thông liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp	Km	0,5	2,67-3,66
80	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	Trạm, trại	6,0	2,67-3,66
81	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm	Cơ sở, mô hình	6,0	2,67-3,66

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
	ngiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu			
82	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá năng lực hoạt động; hiệu quả ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ tại các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp; lâm sản ngoài gỗ; trồng cây dược liệu	Cơ sở, mô hình	6,0	2,67-3,66
83	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá hiệu quả các dự án lâm nghiệp trên địa bàn cấp xã	Dự án	6,0	2,67-3,66
84	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách lâm nghiệp trên địa bàn cấp xã	Cơ chế, chính sách	6,0	2,67-3,66
85	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình phát triển du lịch, dịch vụ	Tuyến, điểm du lịch	6,0	2,67-3,66
86	Điều tra, thu thập số liệu sản phẩm, thị trường, tiêu thụ các loại lâm sản	Cơ sở, mô hình, điểm	6,0	2,67-3,66
87	Điều tra, thu thập số liệu hệ thống tổ chức, quản lý ngành lâm nghiệp	Huyện, tỉnh	6,0	2,67-3,66
88	Điều tra, đánh giá nông thôn có sự tham gia, phỏng vấn người dân			
88.1	Tổ chức họp thôn/họp nhóm thảo luận	Cuộc họp	28,0	2,67-3,66
88.2	Điều tra, phỏng vấn người dân, hộ gia đình, các bên liên quan	Người	0,5	2,67-3,66
89	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	Nhiệm vụ	15,0	3,00-3,99
90	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	Ha	0,005	4,65-5,76
91	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	Nhiệm vụ	2,0	4,65-5,76
92	Chuyển quân và rút quân thực địa			
92.1	Cự ly ≤ 200 km	Người	2,0	3,33-4,32
92.2	Cự ly > 200 km	Người	4,0	3,33-4,32
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP			
93	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái			
93.1	Tỷ lệ 1/1.000	Ha	0,3	3,99-4,98
93.2	Tỷ lệ 1/2.000	Ha	0,2	3,99-4,98
93.3	Tỷ lệ 1/5.000	Ha	0,1	3,99-4,98
93.4	Tỷ lệ 1/10.000	Ha	0,05	3,99-4,98
94	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện			

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
	trạng rừng			
94.1	Tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	6,6	3,99-4,98
94.2	Tỷ lệ 1/2.000	Mảnh	7,9	3,99-4,98
94.3	Tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	9,5	3,99-4,98
94.4	Tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	11,4	3,99-4,98
94.5	Tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	13,7	3,99-4,98
94.6	Tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	16,4	3,99-4,98
94.7	Tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	18,5	3,99-4,98
95	Tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô rừng, đất chưa có rừng	Lô	0,0075	3,00-3,99
96	Phân chia và đánh số lô trên bản đồ hiện trạng rừng	Lô	0,01	3,00-3,99
97	Tính toán diện tích các lô rừng và đất chưa có rừng	Lô	0,001	3,00-3,99
98	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	Biểu	0,1	3,00-3,99
99	Tính toán số liệu điều tra đa dạng thực vật rừng; hệ sinh thái rừng; tái sinh rừng trên tuyến điều tra	Km	0,2	3,00-3,99
100	Tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tầng trưởng rừng trên tuyến điều tra	Km	0,2	3,00-3,99
101	Tính toán số liệu điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	Km	0,2	3,00-3,99
102	Tính toán số liệu điều tra côn trùng rừng; sâu, bệnh hại rừng; động vật không xương sống khác trên tuyến điều tra	Km	0,2	3,00-3,99
103	Tính toán số liệu điều tra côn trùng rừng; sâu, bệnh hại rừng; động vật không xương sống khác trên cây tiêu chuẩn	Cây	0,2	3,00-3,99
104	Tính toán số liệu điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến điều tra	Km	0,2	3,00-3,99
105	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên			
105.1	Diện tích 500 m ²	OTC	0,125	3,99-4,98
105.2	Diện tích 1.000 m ²	OTC	0,25	3,99-4,98
105.3	Diện tích 2.000 m ²	OTC	0,50	3,99-4,98
105.4	Diện tích 2.500 m ²	OTC	0,75	3,99-4,98
105.5	Diện tích 5.000 m ²	OTC	1,5	3,99-4,98
106	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng			
106.1	Diện tích 100 m ² (hoặc ô mẫu 6 cây)	OTC	0,05	3,99-4,98
106.2	Diện tích 500 m ²	OTC	0,125	3,99-4,98

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
106.3	Diện tích 1.000 m ²	OTC	0,25	3,99-4,98
107	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa			
107.1	Diện tích 100 m ² đối với tre nứa mọc tản; ô 6 bụi đối với tre nứa mọc bụi	OTC	0,05	3,33-4,32
107.2	Diện tích 500 m ²	OTC	0,125	3,33-4,32
107.3	Diện tích 1.000 m ²	OTC	0,25	3,33-4,32
108	Tính toán số liệu trên OTC, điểm điều tra	OTC, điểm điều tra	4,0	3,33-4,32
109	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	OTS	0,02	3,33-4,32
110	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	OCB	0,02	3,33-4,32
111	Tính toán số liệu ô đo đếm dây leo	ODL	0,04	3,33-4,32
112	Tính toán số liệu ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	OGC-GC	0,02	3,33-4,32
113	Tính toán số liệu ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	OTT-TM	0,04	3,33-4,32
114	Tính toán số liệu cây giải tích	Cây	1,5	3,33-4,32
115	Xử lý mẫu xác định sinh khối và các-bon rừng	Mẫu	3,0	3,33-4,32
116	Tính toán số liệu điều tra sinh khối	OTC	0,8	3,99-4,98
117	Tính toán quy đổi trữ lượng các-bon rừng	Trạng thái rừng	0,2	3,99-4,98
118	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu			
118.1	Biểu kết quả phân tích đất	Biểu	4,0	3,99-4,98
118.2	Biểu chỉ tiêu tăng trưởng cho loài, nhóm loài, trạng thái rừng	Biểu	40,0	3,66-4,65
118.3	Biểu chỉ tiêu năng suất các kiểu trạng thái rừng tự nhiên	Biểu	40,0	3,66-4,65
118.4	Biểu chỉ tiêu tăng trưởng rừng trồng	Biểu	25,0	3,66-4,65
118.5	Biểu chỉ tiêu cấu trúc rừng cho các kiểu trạng thái rừng	Biểu	25,0	3,66-4,65
118.6	Biểu chỉ tiêu sinh khối và trữ lượng các-bon rừng	Biểu	25,0	3,66-4,65
118.7	Tính toán thống kê các loại biểu khác	Biểu	0,2	3,66-4,65
119	Xây dựng bản chú giải chi tiết các dạng lập địa	Bản chú giải	7,0	4,32-5,08
120	Xây dựng chỉ tiêu phân chia vùng chức năng; chỉ tiêu lựa chọn cây trồng	Chỉ tiêu	7,0	4,32-5,08
121	Lập danh mục các loài thực vật rừng	Danh mục	60,0	4,98-6,44
122	Lập danh mục các loài động vật rừng	Danh mục	60,0	4,98-6,44
123	Lập danh mục các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	Danh mục	60,0	4,98-6,44
124	Lập danh mục loài thực vật rừng, động	Danh mục	60,0	4,98-6,44

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
	vật rừng nguy cấp, quý, hiếm			
125	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản thực vật rừng			
125.1	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản mới, hoàn thiện hồ sơ mẫu vật	Mẫu	0,8	3,66-4,65
125.2	Chế tác mẫu tiêu bản trưng bày	Mẫu	1,0	3,66-4,65
125.3	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản định kỳ	Mẫu	0,2	3,66-4,65
126	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản động vật rừng có xương sống			
126.1	Mẫu tiêu bản các loài thú lớn			
126.1.1	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản mới, hoàn thiện hồ sơ mẫu vật	Mẫu	Theo thực tế	
126.1.2	Chế tác mẫu tiêu bản trưng bày	Mẫu	Theo thực tế	
126.1.3	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản định kỳ	Mẫu	1,0	3,66-4,65
126.2	Mẫu tiêu bản không thuộc các loài thú lớn			
126.2.1	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản mới, hoàn thiện hồ sơ mẫu vật	Mẫu	Theo thực tế	
126.2.2	Chế tác mẫu tiêu bản trưng bày	Mẫu	Theo thực tế	
126.2.3	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản định kỳ	Mẫu	0,6	3,66-4,65
127	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác			
127.1	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản mới, hoàn thiện hồ sơ mẫu vật	Mẫu	0,8	3,66-4,65
127.2	Chế tác mẫu tiêu bản trưng bày	Mẫu	1,0	3,66-4,65
127.3	Xử lý, bảo quản mẫu tiêu bản định kỳ	Mẫu	0,2	3,66-4,65
128	Giám định mẫu tiêu bản thực vật rừng, động vật rừng, côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác			
128.1	Giám định bằng hình thái	Mẫu	0,5	3,99-4,98
128.2	Giám định bằng phân tử	Mẫu	Theo thực tế	
129	Phân tích mẫu đất	Mẫu	5,0	3,99-4,98
130	Vẽ bản đồ và bình sai theo điểm đo	Điểm	0,05	2,06-3,33
131	Hoàn thiện bản đồ phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Bản đồ	2,0	3,00-3,99
132	Hoàn thiện bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Bản đồ	4,0	3,00-3,99
133	Hoàn thiện bản đồ dân sinh, kinh tế - xã hội	Bản đồ	2,0	3,00-3,99

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương³
134	Hoàn thiện trắc đồ ngang cấu trúc rừng	Trắc đồ	2,0	3,00-3,99
135	Hoàn thiện trắc đồ dọc cấu trúc rừng	Trắc đồ	1,0	3,00-3,99
136	Hoàn thiện sơ đồ lát cắt ngang thôn	Sơ đồ	2,0	3,00-3,99
137	Hoàn thiện sơ đồ lát cắt dọc thôn	Sơ đồ	1,0	3,00-3,99
138	Nhân bản, lưu trữ sản phẩm bản đồ (dạng số)	Nhiệm vụ	3,0	2,06-3,00
139	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện			
139.1	Tổng hợp hóa các yếu tố nội dung bản đồ cấp huyện	Mảnh	65,0	2,67-3,66
139.2	Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện	Mảnh	14,0	2,67-3,66
140	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh			
140.1	Tổng hợp hóa lớp hiện trạng rừng bản đồ cấp tỉnh từ bản đồ cấp huyện	Mảnh	80,0	2,67-3,66
140.2	Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh	Mảnh	17,0	2,67-3,66
141	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp vùng, toàn quốc			
141.1	Tổng hợp hóa các yếu tố nội dung bản đồ cấp vùng, toàn quốc	Mảnh	85,0	2,67-3,66
141.2	Biên tập trình bày bản đồ hiện trạng rừng cấp vùng, toàn quốc	Mảnh	14,0	2,67-3,66
142	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng			
142.1	Dưới 500 ha	Xã, chủ rừng	6,0	3,99-4,98
142.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã, chủ rừng	8,0	3,99-4,98
142.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã, chủ rừng	10,0	3,99-4,98
142.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã, chủ rừng	12,0	3,99-4,98
142.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã, chủ rừng	16,0	3,99-4,98
142.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã, chủ rừng	20,0	3,99-4,98
142.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã, chủ rừng	22,0	3,99-4,98
143	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng			
143.1	Dưới 500 ha	Xã, chủ rừng	10,0	3,99-4,98
143.2	Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	Xã, chủ rừng	15,0	3,99-4,98

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương³
143.3	Từ 1.000 ha đến dưới 3.000 ha	Xã, chủ rừng	20,0	3,99-4,98
143.4	Từ 3.000 ha đến dưới 5.000 ha	Xã, chủ rừng	25,0	3,99-4,98
143.5	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	Xã, chủ rừng	30,0	3,99-4,98
143.6	Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha	Xã, chủ rừng	35,0	3,99-4,98
143.7	Từ 30.000 ha trở lên	Xã, chủ rừng	40,0	3,99-4,98
144	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện			
144.1	Dưới 5.000 ha	Huyện	25,0	3,99-4,98
144.2	Từ 5.000 ha đến dưới 20.000 ha	Huyện	30,0	3,99-4,98
144.3	Từ 20.000 ha đến dưới 40.000 ha	Huyện	35,0	3,99-4,98
144.4	Từ 40.000 ha đến dưới 60.000 ha	Huyện	40,0	3,99-4,98
144.5	Từ 60.000 ha trở lên	Huyện	45,0	3,99-4,98
145	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện			
145.1	Dưới 5.000 ha	Huyện	30,0	3,99-4,98
145.2	Từ 5.000 ha đến dưới 20.000 ha	Huyện	35,0	3,99-4,98
145.3	Từ 20.000 ha đến dưới 40.000 ha	Huyện	40,0	3,99-4,98
145.4	Từ 40.000 ha đến dưới 60.000 ha	Huyện	45,0	3,99-4,98
145.5	Từ 60.000 ha trở lên	Huyện	50,0	3,99-4,98
146	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh			
146.1	Dưới 50.000 ha	Tỉnh	35,0	3,99-4,98
146.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Tỉnh	40,0	3,99-4,98
146.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Tỉnh	45,0	3,99-4,98
146.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Tỉnh	50,0	3,99-4,98
146.5	Từ 600.000 ha trở lên	Tỉnh	55,0	3,99-4,98
147	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh			
147.1	Dưới 50.000 ha	Tỉnh	40,0	3,99-4,98
147.2	Từ 50.000 ha đến dưới 200.000 ha	Tỉnh	45,0	3,99-4,98
147.3	Từ 200.000 ha đến dưới 400.000 ha	Tỉnh	50,0	3,99-4,98
147.4	Từ 400.000 ha đến dưới 600.000 ha	Tỉnh	55,0	3,99-4,98
147.5	Từ 600.000 ha trở lên	Tỉnh	60,0	3,99-4,98
148	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	Vùng, toàn quốc	150,0	3,99-4,98
149	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp	Vùng, toàn	66,0	3,99-4,98

TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Định mức (công)	Hệ số lương ³
	vùng, toàn quốc	quốc		
150	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo phương án/quy chế quản lý rừng, bảo vệ rừng; phương án phục hồi rừng, định giá rừng, phân định ranh giới rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; dự án/đề án về các-bon rừng; dự án thành lập khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; dự án/đề án phát triển lâm nghiệp, chế biến và thương mại lâm sản; dự án/đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; kế hoạch bảo vệ rừng, sử dụng rừng; ... (trên cơ sở kết quả điều tra rừng)			
150.1	Dưới 10.000 ha	Báo cáo	120,0	3,99-4,98
150.2	Từ 10.000 ha đến dưới 25.000	Báo cáo	130,0	3,99-4,98
150.3	Từ 25.000 ha đến dưới 50.000 ha	Báo cáo	140,0	3,99-4,98
150.4	Từ 50.000 ha trở lên	Báo cáo	150,0	3,99-4,98
151	Viết báo cáo phương án/quy chế quản lý rừng, bảo vệ rừng; phương án phục hồi rừng, định giá rừng, phân định ranh giới rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; dự án/đề án về các-bon rừng; dự án thành lập khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; dự án/đề án phát triển lâm nghiệp, chế biến và thương mại lâm sản; dự án/đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; kế hoạch bảo vệ rừng, sử dụng rừng;... (trên cơ sở kết quả điều tra rừng).			
151.1	Dưới 10.000 ha	Báo cáo	50,0	3,99-4,98
151.2	Từ 10.000 ha đến dưới 25.000	Báo cáo	55,0	3,99-4,98
151.3	Từ 25.000 ha đến dưới 50.000 ha	Báo cáo	60,0	3,99-4,98
151.4	Từ 50.000 ha trở lên	Báo cáo	66,0	3,99-4,98
152	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	Hội nghị, hội thảo	22,0	4,32-5,08
153	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	Hội nghị, hội thảo	100,0	4,32-5,08
154	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	Báo cáo	15,0	4,32-5,08
155	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	Nhiệm vụ	8,0	3,00-3,99

Phần III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỀU TRA RỪNG
THEO CHUYÊN ĐỀ

I. ĐIỀU TRA DIỆN TÍCH RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	8
9	Thành lập bình đồ ảnh viễn thám	9
10	Kế thừa, thành lập các lớp bản đồ nền về lâm nghiệp cần thiết cho bản đồ thành quả	10
11	Thiết kế, lập hệ thống điểm lấy mẫu trên bản đồ bằng phần mềm chuyên dùng	11
12	Tiếp nhận tài liệu mẫu khóa ảnh thu thập ngoài thực địa và kiểm tra	12
13	Phân tích, đối chiếu bộ mẫu thu thập thực địa với bộ mẫu khóa ảnh trong phòng	13
14	Giải đoán ảnh viễn thám và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng	14
15	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích cần kiểm tra hiện trường trong quá trình điều tra rừng	15
16	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
17	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
18	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
19	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
20	Điều tra, thu thập thông tin mẫu khóa ảnh ngoài thực địa phục vụ giải đoán ảnh viễn thám	23
21	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái	24
22	Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa	25
23	Đo đạc đường lô, đường khoanh, đường tiểu khu; đường ranh giới chủ quản lý rừng; đường ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; đường ranh cản lửa; đường tuyến điều tra; đường tuần tra lâm nghiệp bằng GPS	26
24	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng rừng ngoài thực địa	29
25	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
26	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
27	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
28	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
29	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
31	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
32	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
33	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
34	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu	81
35	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
36	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	90
37	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
38	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
39	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái	93
40	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện trạng rừng	94
41	Tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô rừng, đất chưa có rừng	95
42	Phân chia và đánh số lô trên bản đồ hiện trạng rừng	96
43	Tính toán diện tích các lô rừng và đất chưa có rừng	97
44	Nhân bản, lưu trữ sản phẩm bản đồ (dạng số)	138
45	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện	139
46	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh	140
47	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp vùng, toàn quốc	141
48	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
49	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
50	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
51	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
52	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
53	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
54	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
55	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
56	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
57	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
58	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
59	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

II. ĐIỀU TRA TRỮ LƯỢNG RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái	24
15	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên	36
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng	37
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt	38
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng tre nứa	39
20	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	40
21	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
22	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
23	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu dây leo trên ô đo đếm dây leo	44
24	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
25	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu gỗ chết, gốc chặt trên ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	46
26	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
27	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
28	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
29	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
30	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
31	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
32	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
33	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
34	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
35	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu	81
36	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
37	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
38	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
39	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
40	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
41	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
42	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
43	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
44	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
45	Tính toán số liệu ô đo đếm dây leo	111
46	Tính toán số liệu ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	112
47	Tính toán số liệu ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	113
48	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
49	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
50	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
51	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
52	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
53	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
54	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
55	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
56	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
57	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
58	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
59	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
60	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

III. ĐIỀU TRA CẤU TRÚC RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái	24
15	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cấu trúc rừng, tầng trưởng rừng, đa dạng thực vật rừng, đa dạng hệ sinh thái rừng. (rừng gỗ lá rộng, lá kim; rừng hỗn giao gỗ và tre nứa; rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt)	41
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
20	Điều tra, vẽ trắc đồ ngang cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	51
21	Điều tra, vẽ trắc đồ dọc cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	52
22	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
23	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
24	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
25	Điều tra, thu thập số liệu các giá trị cảnh quan, môi trường	63
26	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
27	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
28	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
29	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
31	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
32	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
33	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
34	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
35	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
36	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
37	Tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tăng trưởng rừng trên tuyến điều tra	100
38	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
39	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
40	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
41	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
42	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
43	Tính toán số liệu ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	113
44	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
45	Hoàn thiện trắc đồ ngang cấu trúc rừng	134
46	Hoàn thiện trắc đồ dọc cấu trúc rừng	135
47	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
48	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
49	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
50	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
51	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
52	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
53	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
54	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
55	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
56	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
57	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
58	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

IV. ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cấu trúc rừng, tăng trưởng rừng, đa dạng thực vật rừng, đa dạng hệ sinh thái rừng	41
15	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng tự nhiên	53
16	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng trồng	54
17	Chọn cây tiêu chuẩn và khoan tăng trưởng	55
18	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
19	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
20	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
21	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
22	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
23	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
24	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
25	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
26	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
27	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
28	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
29	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
30	Chuyên quân và rút quân thực địa	92

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
31	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
32	Tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tầng trưởng rừng trên tuyến điều tra	100
33	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
34	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
35	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
36	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
37	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
38	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
39	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
40	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
41	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
42	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
43	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
44	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
45	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

V. ĐIỀU TRA TÁI SINH RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
15	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
17	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
18	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
19	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
20	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
21	Điều tra, thu hái mẫu tiêu bản thực vật	76
22	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
23	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
24	Điều tra, đánh giá nông thôn có sự tham gia, phỏng vấn người dân	88
25	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
26	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
27	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
28	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
29	Tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tăng trưởng rừng trên tuyến điều tra	100
30	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
31	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
32	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
33	Lập danh mục các loài thực vật rừng	121
34	Lập danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	124
35	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản thực vật rừng	125
36	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
37	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
38	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
39	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
40	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
41	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
42	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
43	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
44	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
45	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
46	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
47	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

VI. ĐIỀU TRA LÂM SẢN NGOÀI GỖ

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
15	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên	36
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng	37
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt	38
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng tre nứa	39
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	40
20	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
21	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
22	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu dây leo trên ô đo đếm dây leo	44
23	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
24	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu gỗ chết, gốc chặt trên ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	46
25	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
26	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
27	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
28	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
29	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
31	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
32	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
33	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
34	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
35	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
36	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
37	Chuyên quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
38	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
39	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
40	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
41	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
42	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
43	Lập danh mục các loài thực vật rừng	121
44	Lập danh mục các loài động vật rừng	122
45	Lập danh mục các loài côn trùng rừng; động vật không xương sống khác và sâu, bệnh hại rừng	123
46	Lập danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	124
47	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản thực vật rừng	125
48	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
49	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
50	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
51	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
52	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
53	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
54	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
55	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
56	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
57	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
58	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
59	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

VII. ĐIỀU TRA LẬP ĐỊA

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	8
9	Kế thừa, thành lập các lớp bản đồ nền về lâm nghiệp cần thiết cho bản đồ thành quả	10
10	Khoanh vẽ bản đồ lập địa cấp 2 trong phòng	16
11	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
12	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
13	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
14	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
15	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
16	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
17	Điều tra, khoanh vẽ bổ sung bản đồ lập địa cấp 2 ngoài thực địa	30
18	Điều tra, khoanh vẽ bổ sung bản đồ lập địa cấp 1 ngoài thực địa	31
19	Đào và mô tả phẫu diện đất chính	56
20	Đào và mô tả phẫu diện đất phụ	57
21	Kiểm tra, chỉnh lý bản đồ dạng đất	58
22	Điều tra năng suất lập địa cây trồng trên OTC	59
23	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
24	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
25	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
26	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
27	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
28	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
29	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
31	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
32	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
33	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
34	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
35	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
36	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
37	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
38	Xây dựng bản chú giải chi tiết các dạng lập địa	119
39	Xây dựng chỉ tiêu phân chia vùng chức năng; chỉ tiêu lựa chọn cây trồng.	120
40	Phân tích mẫu đất	129
41	Biên tập, trình bày bản đồ	139
42	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
43	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
44	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
45	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
46	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
47	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
48	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
49	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
50	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
51	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
52	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
53	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

VIII. ĐIỀU TRA CÂY CÁ LỄ

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thông nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng tự nhiên	53
15	Chọn cây, chặt ngã cây và giải tích thân cây rừng trồng	54
16	Chọn cây tiêu chuẩn và khoan tăng trưởng	55
17	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
18	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
19	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
20	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
21	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
22	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
23	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
24	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
25	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
26	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
27	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
28	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
29	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
30	Tính toán số liệu cây giải tích	114
31	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
32	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
33	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
34	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
35	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
36	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
37	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
38	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
39	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
40	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
41	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
42	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
43	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

IX. ĐIỀU TRA ĐA DẠNG HỆ SINH THÁI RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	8
9	Thành lập bình đồ ảnh viễn thám	9
10	Kế thừa, thành lập các lớp bản đồ nền về lâm nghiệp cần thiết cho bản đồ thành quả	10
11	Thiết kế, lập hệ thống điểm lấy mẫu trên bản đồ bằng phần mềm chuyên dùng	11
12	Tiếp nhận tài liệu mẫu khóa ảnh thu thập ngoài thực địa và kiểm tra	12
13	Phân tích, đối chiếu bộ mẫu thu thập thực địa với bộ mẫu khóa ảnh trong phòng	13
14	Giải đoán ảnh viễn thám và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng	14
15	Chồng xếp bản đồ, xác định diện tích cần kiểm tra hiện trường trong quá trình điều tra rừng	15
16	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
17	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
18	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
19	Di chuyển trong quá trình điều tra	22

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
20	Điều tra, thu thập thông tin mẫu khóa ảnh ngoài thực địa phục vụ giải đoán ảnh viễn thám	23
21	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái	24
22	Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa	25
23	Đo đạc đường lô, đường khoanh, đường tiểu khu; đường ranh giới chủ quản lý rừng; đường ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; đường ranh cản lửa; đường tuyến điều tra; đường tuần tra lâm nghiệp bằng GPS	26
24	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
25	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ hiện trạng rừng ngoài thực địa	29
26	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cấu trúc rừng, tầng trưởng rừng, đa dạng thực vật rừng, đa dạng hệ sinh thái rừng	41
27	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
28	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
29	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
30	Điều tra, vẽ trắc đồ ngang cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	51
31	Điều tra, vẽ trắc đồ dọc cấu trúc rừng tỷ lệ 1/100 - 1/200	52
32	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
33	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
34	Điều tra, thu thập số liệu các giá trị cảnh quan, môi trường	63
35	Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học	66
36	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
37	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
38	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
39	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
40	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
41	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
42	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
43	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
44	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
45	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
46	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái.	93
47	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ	94

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
	hiện trạng rừng	
48	Tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô rừng, đất chưa có rừng	95
49	Phân chia và đánh số lô trên bản đồ hiện trạng rừng	96
50	Tính toán diện tích các lô rừng và đất chưa có rừng	97
51	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
52	Tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tầng trưởng rừng trên tuyến điều tra	100
53	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
54	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
55	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
56	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
57	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
58	Tính toán số liệu ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	113
59	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
60	Hoàn thiện trắc đồ ngang cấu trúc rừng	134
61	Hoàn thiện trắc đồ dọc cấu trúc rừng	135
62	Nhân bản, lưu trữ sản phẩm bản đồ (dạng số)	138
63	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện	139
64	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh	140
65	Tổng hợp hóa dữ liệu, biên tập, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp vùng, toàn quốc	141
66	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
67	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
68	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
69	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
70	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
71	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
72	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
73	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
74	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
75	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
76	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
77	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

X. ĐIỀU TRA THỰC VẬT RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	8
9	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
10	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
11	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
12	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
13	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
14	Di chuyển trong quá trình điều tra	23
15	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
16	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; lâm sản ngoài gỗ; các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng	32
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cấu trúc rừng, tăng trưởng rừng, đa dạng thực vật rừng, đa dạng hệ sinh thái rừng	41
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
20	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
21	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
22	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
23	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	63
24	Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học	66
25	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
26	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
27	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình sinh trưởng của rừng; nguy cơ mất rừng; suy thoái rừng; cháy rừng; suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đến rừng.	70
28	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
29	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
31	Điều tra, thu hái mẫu tiêu bản thực vật	76
32	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
33	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
34	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
35	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	90
36	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
37	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
38	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
39	Tính toán số liệu điều tra đa dạng thực vật rừng; hệ sinh thái rừng; tái sinh rừng trên tuyến điều tra	99
40	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
41	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
42	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
43	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
44	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
45	Tính toán thống kê các loại biểu khác	118
46	Lập danh mục các loài thực vật rừng	121
47	Lập danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	124
48	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản thực vật rừng	125
49	Giám định mẫu tiêu bản thực vật rừng, động vật rừng, côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	128
50	Hoàn thiện bản đồ phân bố các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	131
51	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
52	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
53	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
54	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
55	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
56	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
57	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
58	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
59	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
60	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
61	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
62	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

XI. ĐIỀU TRA ĐỘNG VẬT RỪNG CÓ XƯƠNG SỐNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Tiếp nhận các loại bản đồ phục vụ thực hiện nhiệm vụ	8
9	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
10	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
11	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
12	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
13	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
14	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
15	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
16	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; lâm sản ngoài gỗ; các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng	32
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu động vật rừng có xương sống trên OTC, điểm điều tra	47
18	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
19	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
20	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
21	Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học	66
22	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
23	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình sinh trưởng của rừng; nguy cơ mất rừng; suy thoái rừng; cháy rừng; suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đến rừng.	70
24	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
25	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
26	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
27	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản động vật có xương sống	77
28	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
29	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
30	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
31	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	90
32	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
33	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
34	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
35	Tính toán số liệu điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	101
36	Tính toán số liệu trên OTC, điểm điều tra	108
37	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
38	Lập danh mục các loài động vật rừng	122
39	Lập danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	124
40	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản động vật rừng có xương sống	126
41	Giám định mẫu tiêu bản	128
42	Hoàn thiện bản đồ phân bố các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	131
43	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
44	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
45	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
46	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
47	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
48	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
49	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
50	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
51	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
52	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
53	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
54	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

XII. ĐIỀU TRA CÔN TRÙNG RỪNG, SÂU, BỆNH HẠI RỪNG VÀ ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG KHÁC

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra thu thập số liệu trên tuyến	28
15	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	32
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên	36
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng	37
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt	38
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng tre nứa	39
20	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	40
21	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu côn trùng rừng hoặc động vật không xương sống khác trên OTC, điểm điều tra	48
22	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu sâu, bệnh hại rừng trên OTC, điểm điều tra	50
23	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
24	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
25	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
26	Thu thập số liệu về đánh giá tác động đa dạng sinh học	66
27	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
28	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình sinh trưởng của rừng; nguy cơ mất rừng; suy thoái rừng; cháy rừng; suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đến rừng.	70
29	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
31	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
32	Điều tra, thu hái mẫu tiêu bản thực vật	76
33	Điều tra, thu thập mẫu tiêu bản côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	78
34	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
35	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
36	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá năng lực hoạt động; hiệu quả ứng	82

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
	dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ. tại các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp; lâm sản ngoài gỗ; trồng cây dược liệu.	
37	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
38	Hoàn chỉnh bản đồ, số liệu thực địa	90
39	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
40	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
41	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
42	Tính toán số liệu điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	101
43	Tính toán số liệu điều tra côn trùng rừng; sâu, bệnh hại rừng; động vật không xương sống khác trên tuyến điều tra	103
44	Tính toán số liệu điều tra côn trùng rừng; sâu, bệnh hại rừng; động vật không xương sống khác trên cây tiêu chuẩn	103
45	Tính toán số liệu điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến điều tra	104
46	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
47	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
48	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
49	Tính toán số liệu trên OTC, điểm điều tra	108
50	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
51	Lập danh mục các loài thực vật rừng	121
52	Lập danh mục các loài động vật rừng	122
53	Lập danh mục các loài côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	123
54	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản thực vật rừng	125
55	Xử lý, bảo quản, chế tác mẫu tiêu bản côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	127
56	Giám định mẫu tiêu bản thực vật rừng, động vật rừng, côn trùng rừng, sâu, bệnh hại rừng và động vật không xương sống khác	128
57	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
58	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
59	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
60	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
61	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
62	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
63	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
64	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
65	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
66	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
67	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
68	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155

XIII. ĐIỀU TRA SINH KHỐI VÀ TRỮ LƯỢNG CÁC-BON RỪNG

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ	1
2	Xây dựng đề cương, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	2
3	Hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	3
4	Chỉnh sửa đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ	4
5	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	5
6	Thống nhất biện pháp kỹ thuật	6
7	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ	7
8	Phân tích, thiết kế hệ thống mẫu điều tra	17
9	Thăm dò biến động mẫu điều tra	18
10	Chuẩn bị vật tư, kỹ thuật	19
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA	
11	Hội nghị triển khai nhiệm vụ ở các cấp	20
12	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với địa phương, cơ sở	21
13	Di chuyển trong quá trình điều tra	22
14	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái	24
15	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ tự nhiên	36
16	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng gỗ trồng	37
17	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, rừng ngập nước ngọt	38
18	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng tre nứa	39
19	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu trữ lượng rừng trên OTC rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	40
20	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu tái sinh rừng trên ô đo đếm tái sinh	42
21	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu cây bụi trên ô đo đếm cây bụi	43
22	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu dây leo trên ô đo đếm dây leo	44
23	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu thảm tươi, thảm mục trên ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	45
24	Chọn, lập, điều tra, thu thập số liệu gỗ chết, gốc chặt trên ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	46
25	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp xã	60
26	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp huyện	61
27	Điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh	62
28	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá biến động sử dụng đất lâm nghiệp qua các thời kỳ	68
29	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá diễn biến rừng qua các thời kỳ	69
30	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp xã, chủ rừng	72

TT	Các bước công việc	Định mức tại Bảng 01
31	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp huyện	73
32	Điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên; khí hậu, thủy văn cấp tỉnh	74
33	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng	80
34	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các cơ sở, tổ chức, cá nhân kinh doanh, chế biến, sản xuất lâm nghiệp; các mô hình phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu.	81
35	Điều tra, thu thập tư liệu hiện có tại địa phương, cơ sở	89
36	Làm việc thống nhất số liệu với địa phương, cơ sở	91
37	Chuyển quân và rút quân thực địa	92
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP	
38	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái.	93
39	Nhập số liệu điều tra vào máy tính theo các biểu điều tra	98
40	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ tự nhiên	105
41	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng gỗ trồng	106
42	Tính toán số liệu điều tra OTC rừng tre nứa	107
43	Tính toán số liệu ô đo đếm tái sinh	109
44	Tính toán số liệu ô đo đếm cây bụi	110
45	Tính toán số liệu ô đo đếm dây leo	111
46	Tính toán số liệu ô đo đếm gỗ chết, gốc chặt	112
47	Tính toán số liệu ô đo đếm thảm tươi, thảm mục	113
48	Xử lý mẫu xác định sinh khối và các-bon rừng	115
49	Tính toán số liệu điều tra sinh khối	116
50	Tính toán số liệu quy đổi trữ lượng các-bon rừng	117
51	Tính toán, thống kê xây dựng các loại biểu	118
52	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	142
53	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp xã, chủ rừng	143
54	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp huyện	144
55	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp huyện	145
56	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	146
57	Viết báo cáo thuyết minh kết quả điều tra rừng cấp tỉnh	147
58	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	148
59	Viết báo cáo kết quả điều tra rừng cấp vùng, toàn quốc	149
60	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	152
61	Hội nghị, hội thảo cấp vùng, toàn quốc	153
62	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	154
63	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	155